

Bản án số: **103/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15 - 9 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Thanh Tùng

2. Ông Bùi Tấn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 329 (số cũ 37/44) đường nối A-P, Tổ 44, Khu 8, phường M, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 61 đường N7, Khu 1, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà T và ông Ngô Văn Đ là vợ chồng, chung sống với nhau năm 2017, đăng ký kết hôn ngày 25/11/2017 tại UBND phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc, yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình vui vẻ, đầm ấm. Tuy nhiên, đầu năm 2018, bà T phát hiện ông Đ sử dụng ma túy, không có nghề nghiệp, không có khoản thu nhập nào để nuôi sống bản thân và chăm lo gia đình, tiền mua ma túy sử dụng là tiền do cha mẹ ông Đ cho để tiêu xài cá nhân. Bà T nhiều lần khuyên bảo, ngăn cản, ông

Đ hứa sẽ thay đổi nhưng sau đó vẫn tiếp tục sử dụng ma túy trái phép và giao du với những người cùng sử dụng ma túy, có khi ông Đ bỏ nhà đi 2,3 ngày mới về. Dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cãi vã và mâu thuẫn bắt đầu phát sinh. Khoảng giữa năm 2018, trong một lần cãi nhau, ông Đ đã sử dụng bạo lực với bà T nên bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân nhau từ đó cho đến nay. Hiện nay, bà T đang sinh sống và làm việc tại tỉnh Bắc Ninh, cuộc sống vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: CMND + Sổ hộ khẩu của bà T (bản photo chứng thực); Trích lục kết hôn của bà T, ông Đ (bản sao); Bản tự khai và đơn xin vắng mặt cùng ngày 03/6/2022 (bản chính).

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Văn Đ không đến Tòa án trình bày sự việc, giao nộp chứng cứ, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án; bị đơn ông Ngô Văn Đ đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà T, ông Đ.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Bà T xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn về tinh thần, tư tưởng, suy nghĩ, quan điểm sống. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể dung hoà được. Bà T và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Văn Đ đã được thông báo và triệu tập họp lệ để tham gia các buổi làm việc, hòa giải nhưng ông Đ đều vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ là đã trầm trọng, làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Thảo có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên đại diện Viện kiểm sát không phát biểu ý kiến.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố M, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Đ do bà T phát hiện ông Đ sử dụng ma túy, không có nghề nghiệp, không có thu nhập để nuôi sống bản thân, ông Đ sử dụng bạo lực với bà T. Ông Đ không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác lại ý kiến của bà T. Do đó, ý kiến trình bày của bà T thuộc trường hợp tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà T, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông Đ là có thật, cả hai đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, hạnh phúc gia đình không có. Tòa án thông báo cho ông Đ đến hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng ông Đ không đến, còn bà T nộp đơn đề nghị vắng mặt. Chứng tỏ hôn nhân của bà T, ông Đ đã đổ vỡ, cả hai không còn mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T đối với bị đơn ông Ngô Văn Đ về việc “Tranh chấp ly hôn”.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn ông Ngô Văn Đ.

(theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71 ngày 25/11/2017 của UBND phường P, thành phố M, Bình Dương cấp cho bà T, ông Đ)

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001366, ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà T, ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình